

Bản án số:21/2021/DS-ST

Ngày:09/4/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hồng Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Cường và ông Phan Sỹ Phác.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2020/TLST-DS, ngày 20 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:17/2020/QĐXX-ST, ngày 22 tháng 3 năm 2021. Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐST-DS, ngày 06/4/2021 giữa:

- Nguyên đơn: N hàng.

Người đại diện theo pháp luật ông A, chức vụ Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số Q, đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Chí Nhân, chức vụ giám đốc N hàng L – chi nhánh tỉnh Đắc Lắc.

Người được ủy quyền: ông H, chức vụ Phó phòng khách hàng cá nhân N hàng L – chi nhánh tỉnh Đắc Lắc.

Địa chỉ: số Z, đường H, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc.

(Gọi tắt là N hàng)

- Bị đơn bà N và ông L (anh L đã ủy quyền cho chị N).

Địa chỉ:Thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai của người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn ông H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Vào ngày 17/8/2018, anh L và chị N thỏa thuận với ngân hàng vay vốn, đồng thời ký kết hợp đồng tín dụng số 831/18/HĐTD/0700-4223, ngày 17/8/2018, anh L và chị N vay với số tiền 450.000.000 đồng, mục đích là đầu tư chăm sóc cà phê, chăn nuôi bò, trồng mới hồ tiêu, thời gian vay là 12 tháng, lãi suất vay trong hạn là 10.98%/năm, lãi suất quá hạn 150%, trả lãi 06 tháng một lần, thời hạn trả gốc là ngày 17/8/2019.

Để đảm bảo khoản vay trong hợp đồng tín dụng số 831/18/HĐTD/0700-4223, ngày 17/8/2018, chị N đã thế chấp những tài sản sau: Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 52, tọa lạc tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 511034, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 04/7/2017, đứng tên ông V và bà T (thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông), đã chuyển nhượng cho chị N vào ngày 14/7/2017, theo hồ sơ số 004269.CN.001 (là tài sản có trước khi kết hôn với anh L). Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất gắn liền với đất số 819/17/HĐTC-BDS/0700-4223, ngày 08/08/2017, được công chứng và chứng thực tại phòng công chứng M, địa chỉ số a, đường H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông vào ngày 09/8/2017 và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông vào ngày 09/8/2017.

Sau khi thỏa thuận và ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, chị N đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất nêu trên cho ngân hàng, đồng thời ngân hàng cũng đã giao đủ số tiền 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*) cho chị N và anh L.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, chị N và anh L chưa trả được nợ gốc 450.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn đã trả thanh toán xong, lãi quá hạn tính đến ngày 09/4/2021 là 127.815.411 đồng. Tổng số tiền chị N và anh L còn nợ đến ngày 09/4/2021 là 577.815.411 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu anh L và chị N phải thanh toán số tiền 577.815.411 đồng và từ ngày 10/4/2021 tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu không thanh toán được nợ gốc và lãi suất phát sinh thì xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Chị N và anh L phải chịu án phí dân sự và hoàn trả cho ngân hàng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

- Bị đơn anh L: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L đã ủy quyền lại cho chị N tham gia giải quyết vụ án và quyết định mọi vấn đề, giấy ủy quyền ngày 18/12/2020 và được công chứng tại Văn phòng công chứng M.

- Bị đơn N: Có mặt và làm việc tại Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil để lấy lời khai và hòa giải. Tuy nhiên sau đó chị N vắng mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng trực L cho chị N.

Qua làm việc với chị N, chị N thừa nhận như sau: Ngày 17/8/2018, anh L và chị N thỏa thuận vay vốn của ngân hàng, đồng thời ký kết hợp đồng tín dụng số

831/18/HĐTD/0700-4223, ngày 17/8/2018, nội dung anh L và chị N vay của ngân hàng với số tiền 450.000.000 đồng, mục đích là đầu tư chăm sóc cà phê, chăn nuôi bò, trồng mới hồ tiêu, thời gian vay là 12 tháng, lãi suất vay trong hạn là 10.98%/năm, lãi suất quá hạn 150%, trả lãi 06 tháng một lần, thời hạn trả gốc là ngày 17/8/2019.

Để đảm bảo khoản vay trong hợp đồng tín dụng số 831/18/HĐTD/0700-4223, ngày 17/8/2018, chị N đã thế chấp những tài sản sau: Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 52, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 511034, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 04/7/2017, đứng tên ông V và bà T (thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông), đã chuyển nhượng cho chị N vào ngày 14/7/2017, theo hồ sơ số 004269.CN.001. Ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất gắn liền với đất số 819/17/HĐTC-BDS/0700-4223, ngày 08/08/2017 được công chứng và chứng thực tại phòng công chứng M vào ngày 09/8/2017 và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông vào ngày 09/8/2017.

Sau khi thỏa thuận và ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, chị N và anh L đã nhận đủ số tiền 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*), đồng thời giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất nêu trên cho ngân hàng.

Trong biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải, chị N đồng ý thanh toán số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Chị N đồng ý xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định pháp luật; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 177, Điều 179, Điều 180, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh L và chị N phải có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền 577.815.411 đồng (trong đó nợ gốc là 450.000.000 đồng; lãi suất quá hạn đến ngày xét xử là 127.815.411 đồng). Kể từ ngày 10/4/2021 cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nợ gốc, bị đơn còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, bị đơn phải hoàn trả ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định, nguyên đơn đã nộp trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn anh L và chị N có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, tỉnh Đắk Nông. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.1] Trong quá trình giải quyết vụ án: Anh L đã ủy quyền cho chị N tham gia tố tụng và quyết định mọi vấn đề trong vụ án. Chị N có mặt làm việc tại Tòa án lấy lời khai và hòa giải. Sau đó chị N đã vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt anh L và chị N đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tòa án tiến hành giải quyết và tiến hành xét xử vắng mặt anh L và chị N là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao. Anh L và chị N vắng mặt, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng như đưa ra quan điểm để phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Như vậy, anh L và chị N phải chịu hậu quả về việc không đưa ra được và không đưa ra đủ chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[2] Về nội dung vụ án: anh L và chị N ký kết hợp đồng tín dụng vay vốn của ngân hàng và được ngân hàng cho vay số tiền 450.000.000 đồng, mục đích là đầu tư chăm sóc cà phê, chăn nuôi bò, trồng mới hồ tiêu, thời gian vay là 12 tháng, lãi suất vay trong hạn là 10.98%/năm, lãi suất quá hạn 150%, lãi trả 06 tháng một lần, thời hạn trả gốc là ngày 17/8/2019.

[2.1] Để đảm bảo cho khoản vay, chị N và ngân hàng thỏa thuận vẫn duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất gắn liền với đất số 819/17/HĐTC-BĐS/0700-4223, ngày 08/08/2017, tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất của thửa đất số 17, tờ bản đồ số 52, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 511034, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 04/7/2017, đứng tên ông V và bà T (thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông), đã chuyển nhượng cho chị N vào ngày 14/7/2017, theo hồ sơ số 004269.CN.001.

[2.2] Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, chị N và anh L đã thanh toán được tiền lãi trong hạn. Đến ngày 17/8/2019, là thời hạn cuối cùng thanh toán toàn bộ số nợ gốc nhưng anh L và chị N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng. Vì vậy, ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh L và chị N thanh toán nợ là có cơ sở.

[3] Đối với nợ gốc: Theo hợp đồng tín dụng, anh L và chị N phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc 450.000.000 đồng vào ngày 17/8/2019, là ngày cuối cùng của thời hạn vay 12 tháng. Tuy nhiên đến thời điểm trả nợ, nhưng anh L và chị N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Như vậy, anh L và chị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó ngân hàng làm đơn khởi kiện và yêu cầu anh L và chị N phải có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc với số tiền 450.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu lãi suất: Theo hợp đồng tín dụng, lãi suất trong hạn 10.98%/năm, lãi suất quá hạn 150%.

[4.1] Anh L và chị N đã thanh toán tiền lãi trong hạn, thanh toán đến ngày 17/8/2019.

[4.2] Đến ngày 17/8/2019, anh L và chị N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ gốc sang nợ quá hạn và tính lãi suất quá hạn. Đến ngày xét xử lãi quá hạn 127.815.411 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016, để tính tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tiền lãi xuất tục tính trên dư nợ thực tế kể từ ngày 10/4/2021 trở đi, theo mức lãi suất quá hạn được quy định tại hợp đồng tín dụng cho đến khi anh L và chị N trả hết nợ

[5] Đối với tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, giữa ngân hàng và chị N (tài sản đứng tên một mình chị N) thỏa thuận và tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp được công chứng, chứng thực và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại các Điều 298, 318 của Bộ luật dân sự năm 2015, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5.1] Trường hợp anh L và chị N không hoặc thanh toán không đầy đủ nợ thì ngân hàng có quyền làm đơn yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản thế chấp là phù hợp.

[5.2] Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ: Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 52, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 511034, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 04/7/2017 là phù hợp với bản đồ giải thửa; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trên thực tế phù hợp, đúng vị trí.

[5.6] Yêu cầu xử lý tài sản nêu trên là phù hợp quy định tại Điều 323 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Trong quá trình lấy lời khai và hòa giải, chị N đồng ý thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Nếu không thanh toán được nợ gốc và lãi suất thì xử lý tài sản đã thế chấp cho ngân hàng thu hồi nợ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên anh L và chị N phải chịu án phí và phải hoàn trả cho ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) chi phí tố tụng (đã nộp trong quá trình giải quyết vụ án) theo quy định Điều 157, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[8] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 177, Điều 179, Điều 180, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 323, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016. Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30/12/2016 của N hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng.

2. Buộc anh L và chị N phải có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền 577.815.411 đồng (*Năm trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm mười lăm ngàn bốn trăm mười một đồng*), trong đó nợ gốc là 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi*) và tính đến ngày 09/4/2021: lãi quá hạn là 127.815.411 đồng (*Một trăm hai mươi bảy triệu tám trăm mười lăm ngàn bốn trăm mười một đồng*).

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 10/4/2021) anh L và chị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng kỳ của N hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho N hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của N hàng cho vay”

3. Tài sản thế chấp:

- Trường hợp anh L và chị N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trả nợ tiền gốc và tiền lãi thì ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất để thu hồi nợ, cụ thể: Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 52, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 511034, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 04/7/2017, đứng tên ông V và bà T (thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông), đã chuyển nhượng cho chị N vào ngày 14/7/2017, theo hồ sơ số 004269.CN.001.

4. Án phí: Anh L và chị N phải nộp 27.112.616 đồng (*Hai mươi bảy triệu một trăm mười hai ngàn sáu trăm mười sáu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả cho ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.442.000 đồng (*Mười bốn triệu bốn trăm bốn mươi hai ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002002 ngày 27/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

5. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Anh L và chị N phải hoàn trả cho ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- THADS huyện Đắk Mil;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lại Hồng Duy